

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI
CAO
Số: 01/2001/NQ-HĐTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2001

NGHỊ QUYẾT
Hướng dẫn áp dụng một số quy định của các điều
139, 193, 194, 278, 279 và 289 Bộ luật Hình sự năm 1999

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ vào Điều 20 và Điều 21 Luật Tổ chức Toà án nhân dân năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung ngày 28-12-1993 và ngày 28-10-1995);

Để áp dụng đúng và thống nhất các điều 139, 193, 194, 278, 279 và 289 Bộ luật Hình sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21-12-1999 và có hiệu lực từ ngày 01-7-2000;

QUYẾT NGHỊ:

Hướng dẫn áp dụng một số quy định của các điều 139, 193, 194, 278, 279 và 289 Bộ luật Hình sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21-12-1999 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự) như sau:

1. Khi áp dụng các điều 139, 193, 194, 278, 279 và 289 BLHS để quyết định hình phạt, về nguyên tắc chung Toà án phải căn cứ vào quy định của BLHS, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

2. Khi áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản cần chú ý:

2.1. Trong trường hợp không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (sau đây gọi tắt là tình tiết tăng nặng) và không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (sau đây gọi tắt là tình tiết giảm nhẹ) hoặc vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, nhưng đánh giá tính chất tăng nặng và tính chất giảm nhẹ tương đương nhau, thì xử phạt người phạm tội mức án tương ứng với giá trị tài sản bị chiếm đoạt như sau:

a. Xử phạt tù từ 12 năm đến 20 năm nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ năm trăm triệu đồng đến dưới một tỷ năm trăm triệu đồng.

b. Xử phạt tù chung thân nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng đến dưới bốn tỷ năm trăm triệu đồng;

c. Xử phạt tử hình nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ bốn tỷ năm trăm triệu đồng trở lên.

2.2. Trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không có tình tiết tăng nặng hoặc có ít tình tiết tăng nặng hơn, đồng thời đánh giá tính chất giảm nhẹ và tính chất tăng nặng xét thấy có thể giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho người phạm tội, thì có thể xử phạt người phạm tội mức án nhẹ hơn mức án được hướng dẫn tại tiểu mục 2.1 Mục 2 này như sau:

a. Xử phạt tù từ bảy năm đến dưới mười hai năm nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ năm trăm triệu đồng đến dưới một tỷ năm trăm triệu đồng (trường hợp này phải có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự);

b. Xử phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng đến dưới bốn tỷ năm trăm triệu đồng;

c. Xử phạt tù chung thân nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ bốn tỷ năm trăm triệu đồng trở lên.

2.3. Trong trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng mà không có tình tiết giảm nhẹ hoặc có ít tình tiết giảm nhẹ hơn, đồng thời đánh giá tính chất tăng nặng và tính chất giảm nhẹ xét thấy cần tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, thì có thể xử phạt người phạm tội mức án nặng hơn mức án được hướng dẫn tại tiểu mục 2.1 Mục 2 này như sau:

a. Xử phạt tù chung thân nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ năm trăm triệu đồng đến dưới một tỷ năm trăm triệu đồng;

b. Xử phạt tử hình nếu tài sản bị chiếm đoạt có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng trở lên.

2.4. Trong trường hợp theo hướng dẫn tại các tiểu mục 2.1 và 2.3 Mục 2 này người phạm tội phải bị xử phạt tử hình, nhưng người phạm tội đã bồi thường được một phần đáng kể giá trị tài sản bị chiếm đoạt (hoặc người thân thích, ruột thịt... của người phạm tội đã bồi thường thay cho người phạm tội), thì có thể không xử phạt tử hình người phạm tội và tùy vào số tiền đã bồi thường được mà có thể xử phạt người phạm tội tù chung thân hoặc tù có thời hạn.

Được coi là đã bồi thường được một phần đáng kể giá trị tài sản bị chiếm đoạt nếu:

a. Đã bồi thường được ít nhất một phần hai giá trị tài sản bị chiếm đoạt;

b. Đã bồi thường được từ một phần ba đến dưới một phần hai giá trị tài sản bị chiếm đoạt, nếu có căn cứ chứng minh rằng người phạm tội (hoặc người thân thích, ruột thịt... của người phạm tội) đã thực hiện mọi biện pháp để bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt (đã bán hết nhà ở, tài sản có giá trị; cố gắng vay, mượn... đến mức tối đa).

3. Khi áp dụng khoản 4 Điều 193 Bộ luật Hình sự về tội sản xuất trái phép chất ma túy và khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự về tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy cần chú ý;

3.1. Trong trường hợp không có tình tiết tăng nặng và không có tình tiết giảm nhẹ hoặc vừa có tình tiết tăng nặng, vừa có tình tiết giảm nhẹ, nhưng đánh giá tính chất tăng nặng và tính chất giảm nhẹ tương đương nhau, thì xử phạt người phạm tội mức án tương ứng với trọng lượng chất ma túy như sau:

a. Xử phạt hai mươi năm tù nếu:

- Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ 5 kilôgam đến dưới mười kilôgam;
- Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ một trăm gam đến dưới ba trăm gam;
- Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây coca có trọng lượng từ bảy mươi lăm kilôgam đến dưới hai trăm kilôgam (đối với Điều 194 Bộ luật Hình sự);
- Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ sáu trăm kilôgam đến dưới một nghìn năm trăm kilôgam (đối với Điều 194 Bộ luật Hình sự);
- Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ một trăm năm mươi kilôgam đến dưới bốn trăm năm mươi kilôgam (đối với Điều 194 Bộ luật Hình sự);
- Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ ba trăm gam đến dưới chín trăm gam;
- Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ bảy trăm năm mươi mililít đến dưới hai nghìn mililít;
- Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng của một trong các chất ma túy thuộc điểm a này theo cách tính được hướng dẫn tại tiểu mục 3.2 Mục 3 này.

b. Xử phạt tù chung thân nếu:

- Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ mười kilôgam đến dưới hai mươi kilôgam;
- Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ ba trăm gam đến dưới sáu trăm gam;
- Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây coca có trọng lượng từ hai trăm kilôgam đến dưới sáu trăm kilôgam (đối với Điều 194 BLHS);
- Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ một nghìn năm trăm kilôgam đến dưới bốn nghìn năm trăm kilôgam (đối với Điều 194 BLHS);
- Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ bốn trăm năm mươi kilôgam đến dưới một nghìn hai trăm kilôgam (đối với Điều 194 Bộ luật Hình sự);
- Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ chín trăm gam đến dưới hai nghìn năm trăm gam;
- Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ hai nghìn mililít đến dưới năm nghìn mililít;
- Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng của một trong các chất ma túy thuộc điểm b này theo cách tính được hướng dẫn tại tiểu mục 3.2 Mục 3 này.

c. Xử phạt tử hình nếu:

- Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có trọng lượng từ hai mươi kilôgam trở lên;
- Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ sáu trăm gam trở lên;
- Lá, hoa, quả cây cần sa hoặc lá cây coca có trọng lượng từ sáu trăm kilôgam trở lên (đối với Điều 194 Bộ luật Hình sự);
- Quả thuốc phiện khô có trọng lượng từ bốn nghìn năm trăm kilôgam trở lên (đối với Điều 194 BLHS);
- Quả thuốc phiện tươi có trọng lượng từ một nghìn hai trăm kilôgam trở lên (đối với Điều 194 Bộ luật Hình sự);
- Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ hai nghìn năm trăm gam trở lên;
- Các chất ma túy khác ở thể lỏng từ năm nghìn mililít trở lên;
- Có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng của một trong các chất ma túy thuộc điểm c này theo cách tính được hướng dẫn tại tiểu mục 3.2 Mục 3 này.

3.2. Tình tiết "có từ hai chất ma túy trở lên mà tổng số lượng của các chất đó tương đương với số lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ..." quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 193 và điểm h khoản 4 Điều 194 BLHS được tính như sau:

a. Trường hợp thứ nhất.

Nếu các chất ma túy đó đều được quy định trong cùng một điểm của khoản 4 Điều 193 hoặc của khoản 4 Điều 194, thì cộng trọng lượng các chất ma túy đó lại với nhau và so sánh với trọng lượng được hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 Mục 3 này để xem xét người phạm tội phải bị xử phạt mức hình phạt nào.

Ví dụ 1: Một người sản xuất 9 kilôgam nhựa thuốc phiện và 17 kilôgam nhựa cần sa. Do nhựa thuốc phiện và nhựa cần sa đều được quy định trong cùng điểm a Khoản 4 Điều 193, cho nên cần cộng trọng lượng nhựa thuốc phiện và nhựa cần sa lại với nhau bằng 26 kilôgam (9 kg + 17 kg = 26 kg). Đối chiếu với trọng lượng được hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 Mục 3 này thì phải áp dụng điểm đ khoản 4 Điều 193 để xử phạt người phạm tội mức án tử hình.

Ví dụ 2: Một người mua bán 115 gam Hêrôin và 125 gam Côcain. Do Hêrôin và Côcain đều được quy định trong cùng điểm b khoản 4 Điều 194, cho nên cộng trọng lượng Hêrôin và Côcain lại với nhau bằng 240 gam (115 gam + 125 gam = 240 gam). Đối chiếu với trọng lượng được hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 Mục 3 này thì phải áp dụng điểm b khoản 4 Điều 194 để xử phạt người phạm tội mức án 20 năm tù.

b. Trường hợp thứ hai

Nếu các chất ma túy đó được quy định tại các điểm khác nhau của khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 193 hoặc tại các điểm khác nhau của khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 194, thì cách tính tổng số lượng của các chất ma túy này tương đương với số lượng của một trong các chất ma túy quy định tại khoản 4 Điều 193 hoặc tại khoản 4 Điều 194 được tiến hành theo trình tự sau đây:

b.1. Lần lượt lấy làm chuẩn từng chất ma túy trong số các chất ma túy mà người phạm tội đã sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt. Tính trọng lượng (số lượng) của các chất ma túy còn lại trong số các chất ma túy mà người phạm tội đã sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt tương ứng với bao nhiêu kilôgam (gam) hoặc mililit của chất ma túy đã lấy theo tỷ lệ trọng lượng (số lượng) tối thiểu của các chất ma túy còn lại với trọng lượng (số lượng) tối thiểu của chất ma túy đã lấy làm chuẩn quy định tại khoản 4 Điều 193 hoặc khoản 4 Điều 194 (xem ví dụ dưới đây).

b.2. Cộng trọng lượng (số lượng) của các chất ma túy đã tính được tương đương với trọng lượng (số lượng thực có của chất ma túy đã lấy làm chuẩn thì được tổng số lượng của các chất ma túy người phạm tội đã sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt (tính tương đương với chất ma túy đã lấy làm chuẩn) (xem ví dụ dưới đây).

b.3. So sánh các kết quả tính tổng số lượng của các chất ma túy mà người phạm tội đã sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt tương đương (theo từng chất ma túy đã lấy làm chuẩn) với nhau và với hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 Mục 3 này. Nếu tổng số lượng của các chất ma túy tương đương theo chất ma túy nào mà có lợi cho người phạm tội khi quyết định hình phạt, thì lấy tổng số lượng đó (xem ví dụ dưới đây).

Ví dụ: Một người mua bán 4 kilôgam thuốc phiện, 90 gam hêrôin và 150 gam chất ma túy khác ở thể rắn. Cách tính tổng số lượng của các chất ma túy này như sau:

- Thứ nhất: lấy thuốc phiện làm chuẩn để tính 90 gam hêrôin và 150 gam chất ma túy khác ở thể rắn tương đương với bao nhiêu kilôgam thuốc phiện (tính theo tỷ lệ trọng lượng tối thiểu của thuốc phiện và hêrôin, của thuốc phiện và chất ma túy khác ở thể rắn quy định tại khoản 4 Điều 194); cụ thể là:

* Đối với Hêrôin:

100 gam Hêrôin tương đương với 5 kilôgam thuốc phiện.

90 gam Hêrôin tương đương với X kilôgam thuốc phiện.

X	=	$\frac{90 \text{ gam} \times 5 \text{ kilôgam}}{100 \text{ gam}}$	=	4,5 kilôgam thuốc phiện
---	---	---	---	-------------------------

* Đối với chất ma túy khác ở thể rắn:

300 gam chất ma túy khác ở thể rắn tương đương với 5 kilôgam thuốc phiện.

150 gam chất ma túy khác ở thể rắn tương đương với Y kilôgam thuốc phiện.

Y	=	$\frac{150 \text{ gam} \times 5 \text{ kilôgam}}{300 \text{ gam}}$	=	2,5 kilôgam thuốc phiện
---	---	--	---	-------------------------

Cộng trọng lượng của Hêrôin và chất ma túy khác ở thể rắn vừa tính được tương đương với trọng lượng thuốc phiện (X và Y) với trọng lượng thuốc phiện thực có là:

4,5 kilôgam + 2,5 kilôgam + 4 kilôgam = 11 kilôgam.

Như vậy, trong trường hợp này tổng số lượng của thuốc phiện, Hêrôin và chất ma túy khác ở thể rắn (các chất ma túy mà người phạm tội đã mua bán trái phép) tương đương với 11 kilôgam thuốc phiện (1).

- Thứ hai: lấy Hêrôin làm chuẩn để tính 4 kg thuốc phiện và 150 gam chất ma túy khác ở thể rắn tương đương với bao nhiêu gam Hêrôin (tính theo tỷ lệ trọng lượng tối thiểu của Hêrôin và thuốc phiện, của Hêrôin và chất ma túy khác ở thể rắn quy định tại khoản 4 Điều 194) cụ thể là:

* Đối với thuốc phiện:

5 kilôgam thuốc phiện tương đương với 100 gam Hêrôin

4 kilôgam thuốc phiện tương đương với X gam Hêrôin